

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 924 /TTr-NV2

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

V/v xin ý kiến góp ý đối với Dự thảo
Thông tư Hướng dẫn về thanh tra
trong lĩnh vực giáo dục

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các cơ sở giáo dục đại học.

Thực hiện Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt năm 2024 của Bộ GDĐT; để đồng bộ và thống nhất về hoạt động thanh tra chuyên ngành và thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục trong toàn ngành giáo dục, Bộ GDĐT xây dựng dự thảo Thông tư Hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục thay thế các thông tư: Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 54/2012/TT-BGDĐT 21/12/2012 quy định về cộng tác viên thanh tra giáo dục được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 31/2014/TT-BGDĐT ngày 16/9/2014; Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 23/2016/TT-BGDĐT ngày 13/10/2016 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi; Thông tư số 24/2016/TT-BGDĐT ngày 14/11/2016 ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra giáo dục.

Thanh tra Bộ GDĐT gửi dự thảo Thông tư Hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục và dự thảo Tờ trình Thông tư đến các Sở GDĐT và Cơ sở giáo dục đại học để được xin ý kiến góp ý.

Ý kiến góp ý của Quý đơn vị bằng văn bản và gửi về Thanh tra trước ngày 30/8/2024 để hoàn thiện dự thảo Thông tư theo quy định.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thường (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Phúc (để báo cáo);
- Lưu: VT, NV2.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Đức Cường

Số:/2024/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục gồm: nội dung, hoạt động thanh tra chuyên ngành và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi là thanh tra chuyên ngành); thanh tra nội bộ của cơ sở giáo dục gồm: nội dung và hoạt động thanh tra nội bộ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo; Chánh thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chánh thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành, thành viên đoàn thanh tra chuyên ngành; các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động thanh tra chuyên ngành, thanh tra nội bộ

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức và cá nhân là đối tượng thanh tra.

3. Gắn với việc thực hiện nhiệm vụ về chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

4. Kết hợp giữa hoạt động thanh tra nhà nước, thanh tra nội bộ, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá nhà giáo và hoạt động thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

Điều 3. Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với sở giáo dục và đào tạo

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình trường đối cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; trường cao đẳng sư phạm, phân hiệu của trường cao đẳng sư phạm trên địa bàn và cơ sở giáo dục khác.

3. Ban hành các văn bản chỉ đạo theo thẩm quyền; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục.

4. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục, thiết bị giáo dục.

5. Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn, quy chế thi, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục; quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ; thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; hoạt động liên kết giáo dục, mở ngành đào tạo, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục theo thẩm quyền.

6. Chỉ đạo và thực hiện quy chế tuyển sinh, quản lý, giáo dục người học và thực hiện chế độ, chính sách đối với người học.

7. Chỉ đạo và thực hiện các quy định về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh và đối với cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp theo phân cấp.

8. Chỉ đạo công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, xã hội hóa giáo dục.

9. Chỉ đạo việc thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí và các nguồn lực tài chính khác.

10. Quản lý các hoạt động du học tự túc trên địa bàn.

11. Chỉ đạo và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng, báo cáo, thống kê, công khai về giáo dục đối với các phòng giáo dục và đào tạo và các đơn vị trực thuộc.

12. Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 4. Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với phòng giáo dục và đào tạo

1. Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình đối với các cơ sở giáo dục.

3. Ban hành các văn bản chỉ đạo theo thẩm quyền; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục.

4. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục, thiết bị giáo dục.

5. Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn, quy chế thi cử, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục; quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ; thực hiện phổ cập giáo dục, chống mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục theo thẩm quyền.

6. Thực hiện quy chế tuyển sinh, quản lý, giáo dục người học và thực hiện chế độ, chính sách đối với người học.

7. Chỉ đạo và thực hiện các quy định về nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn.

8. Chỉ đạo công tác bảo đảm chất lượng giáo dục, xã hội hóa giáo dục.

9. Chỉ đạo việc thực hiện quy định về thu, quản lý học phí và các nguồn lực tài chính khác.

10. Chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, phòng chống tham nhũng, báo cáo, thống kê, công khai về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 5. Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm

1. Tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm bao gồm: ban hành văn bản quản lý nội bộ và phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng bộ máy tổ chức; thực hiện các quy định về công khai trong lĩnh vực giáo

dục; công tác thanh tra nội bộ và việc thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Thực hiện quy định về chuẩn cơ sở đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo; quy chế tuyển sinh; quy chế đào tạo; liên kết đào tạo; quy định về mở ngành đào tạo; biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình; việc in, quản lý bằng, văn bằng, chứng chỉ.

3. Việc quản lý, giáo dục người học và các chế độ, chính sách đối với người học.

4. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động khác.

5. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; kiểm định chất lượng giáo dục.

6. Thực hiện quy định về thu, quản lý học phí, các nguồn lực tài chính khác.

7. Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; thực hiện dịch vụ khoa học; tổ chức hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục.

8. Thực hiện các quy định khác của pháp luật về giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm.

9. Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 6. Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên

1. Tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên bao gồm: ban hành văn bản quản lý nội bộ và phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng bộ máy tổ chức; thực hiện các quy định về công khai trong lĩnh vực giáo dục; công tác kiểm tra nội bộ và việc thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục; việc quản lý, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giáo dục, thiết bị dạy học và đồ chơi trẻ em.

3. Thực hiện quy chế tuyển sinh, quản lý, giáo dục người học và các chế độ, chính sách đối với người học.

4. Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người lao động khác.

5. Công tác xã hội hóa giáo dục, quản lý dạy thêm, học thêm.

6. Các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; chấp hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục.

7. Thực hiện quy định về thu, quản lý, sử dụng học phí, các nguồn lực tài chính khác.

8. Thực hiện các quy định khác của pháp luật về giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên.

9. Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 7. Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động hợp tác đầu tư có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

1. Đối với liên kết đào tạo

a) Thẩm quyền về hoạt động liên kết;

b) Việc thực hiện quy định về hình thức, đối tượng, phạm vi, thời hạn liên kết đào tạo; tuyển sinh, thực hiện chương trình giáo dục, cấp văn bằng, chứng chỉ; tiêu chuẩn nhà giáo; việc thực hiện quy định về điều kiện liên kết đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục; việc thực hiện quy định về thủ tục, thẩm quyền phê duyệt, gia hạn, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo.

c) Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

2. Đối với cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài

a) Thực hiện quy định về thủ tục thành lập cơ sở giáo dục, cho phép hoạt động giáo dục; thực hiện quy định về việc mở phân hiệu cơ sở giáo dục;

b) Việc thực hiện các quy định về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục khác; tuyển sinh, thực hiện chương trình giáo dục; kiểm định chất lượng giáo dục, cấp phát văn bằng, chứng chỉ;

c) Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

3. Đối với văn phòng đại diện

a) Thực hiện quy định về thủ tục thành lập văn phòng đại diện, cho phép hoạt động giáo dục;

b) Thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, thời hạn hoạt động; việc thực hiện quy định về điều kiện, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt, gia hạn và chấm dứt hoạt động; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

c) Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 8. Nội dung thanh tra chuyên ngành về thi

1. Thanh tra công tác chuẩn bị thi

a) Việc quán triệt, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc đại học, học viện, người đứng đầu cơ sở giáo dục, Chủ tịch hội đồng thi theo thẩm quyền;

b) Việc thành lập các ban thuộc Hội đồng thi và tổ chức tập huấn cho thành phần tham gia các ban; việc thông báo kế hoạch thi, lịch thi và thời gian biểu kỳ thi;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các quy định đối với thí sinh;

d) Việc chuẩn bị cơ sở vật chất;

đ) Việc thực hiện quy định về đề thi.

2. Thanh tra công tác coi thi

a) Việc thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thi, Trưởng ban coi thi, Trưởng điểm thi và Trưởng ban thư ký, việc phối hợp chỉ đạo công tác coi thi giữa các ban;

b) Việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ coi thi, thư ký, những người có liên quan và thí sinh.

3. Thanh tra công tác chấm thi

a) Thanh tra công tác chuẩn bị chấm thi: Thành phần Ban chấm thi, số lượng cán bộ chấm thi của từng môn chấm, thư ký, làm phách, chấm kiểm tra, chấm phúc khảo; việc chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện phục vụ cho công tác chấm thi, khu vực chấm thi, số lượng phòng chấm cho từng môn chấm, khu vực làm phách, khu vực bảo quản bài thi; phương án phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia chấm thi; Việc tổ chức tập huấn quy chế, hướng dẫn chấm thi và các văn bản khác liên quan cho các thành viên Ban chấm thi, Ban thư ký, Ban làm phách và các bộ phận có liên quan; việc thực hiện quy trình về làm phách, bảo mật đầu phách, quản lý bài thi (phương án giao, nhận, lưu giữ bài thi giữa thư ký chấm, trưởng môn chấm, cán bộ chấm thi);

b) Thanh tra trong khi chấm thi: Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Trưởng ban chấm thi, thư ký chấm thi, trưởng môn chấm, cán bộ chấm thi, cán bộ chấm kiểm tra và cán bộ có liên quan: Phân công nhiệm vụ trong Ban chấm thi, thư ký, việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa thư ký với cán bộ chấm thi với trưởng môn chấm; Phối hợp giữa các lực lượng phục vụ, bảo vệ trong quá trình chấm thi; phương án xử lý các tình huống bất thường; việc thảo luận, thống nhất hướng dẫn chấm, đáp án, biểu điểm; số lượng bài chấm chung của từng môn chấm; việc thực hiện quy trình giao, nhận bài thi; quy trình chấm; việc bố trí cán bộ tại các phòng chấm thi; ghi thông tin vào phiếu chấm, thống nhất điểm bài thi, xử lý kết quả chấm thi, xử lý kết quả chấm kiểm tra; việc thực hiện quy trình chấm bài thi trắc nghiệm;

c) Việc thực hiện quy trình nhập điểm;

d) Việc tổ chức chấm phúc khảo;

đ) Việc phát hiện bài thi có dấu hiệu bất thường để xử lý như: Trường hợp thi hộ, tráo bài và hành vi tiêu cực khác chưa phát hiện khi coi thi;

e) Việc thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo hội đồng, kiến nghị của thanh tra.

4. Thanh tra việc thực hiện trách nhiệm của Hội đồng thi

a) Kế hoạch, kết quả kiểm tra của Chủ tịch Hội đồng thi;

b) Hệ thống các biểu mẫu, biên bản sử dụng trong quá trình chuẩn bị thi, coi thi, chấm thi;

c) Kết quả xử lý kiến nghị của thanh tra thi, chỉ đạo của cấp trên;

- d) Việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo của Chủ tịch Hội đồng thi;
- đ) Việc lưu trữ, công bố, công khai kết quả thi.

Điều 9. Nội dung thanh tra chuyên ngành về tuyển sinh và xét, công nhận tốt nghiệp

1. Thanh tra công tác xét tuyển

- a) Việc xây dựng và công bố đề án tuyển sinh;
- b) Các điều kiện đảm bảo cho công tác xét tuyển;
- c) Việc thực hiện quy định về xét tuyển;
- d) Việc xác định điểm trúng tuyển, công khai kết quả xét tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển, triệu tập thí sinh trúng tuyển.
- đ) Thanh tra việc nhập học và kiểm tra hồ sơ thí sinh trúng tuyển.

2. Thanh tra việc xét, công nhận tốt nghiệp

- a) Việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp;
- b) Đối tượng được xét miễn thi các môn và quy trình xét miễn thi;
- c) Đối tượng và điều kiện thí sinh được xét đặc cách tốt nghiệp;
- d) Việc bảo lưu điểm thi, điểm ưu tiên, điểm khuyến khích;
- đ) Quy trình thực hiện xét tốt nghiệp, quy định cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và cấp bằng tốt nghiệp;
- e) Việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong quá trình xét tốt nghiệp;
- g) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và lưu trữ.

Điều 10. Nội dung thanh tra việc thực hiện luận văn, luận án

1. Việc ban hành quy định của đơn vị về việc tổ chức thực hiện luận văn, luận án.

2. Điều kiện tổ chức thực hiện luận văn, luận án; điều kiện để được thành lập hội đồng chấm luận văn, luận án.

3. Quy trình lựa chọn đề tài, phân công cán bộ hướng dẫn.

4. Xem xét, đối chiếu với quy định về trình độ chuyên môn, chuyên ngành của người hướng dẫn luận văn, luận án và chuyên ngành của luận văn, luận án đang hoặc dự kiến tham gia hướng dẫn; quyết định thành lập hội đồng chấm luận văn, luận án; thành phần, số lượng, trình độ chuyên môn, chuyên ngành của người tham gia hội đồng chấm luận văn, luận án.

5. Việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức thực hiện luận văn, luận án của người học và người hướng dẫn; trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện của khoa, đơn vị chuyên môn.

6. Những thay đổi trong quá trình tổ chức thực hiện luận văn, luận án.

7. Việc lên điểm, báo cáo, lưu trữ và giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong quá trình tổ chức thực hiện và đánh giá luận văn, luận án.

Điều 11. Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động giáo dục

1. Thẩm quyền thành lập tổ chức, cho phép hoạt động giáo dục đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục; nội dung quyết định thành lập, cho phép hoạt động giáo dục; đối tác liên kết với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục (nếu có).

2. Thực hiện quy định về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục khác.

3. Việc tuyển sinh, thực hiện chương trình giáo dục, cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

4. Việc thông tin, công khai hoạt động giáo dục và báo cáo về hoạt động giáo dục với cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Chương III **THANH TRA NỘI BỘ TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Điều 12. Nội dung thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục

1. Việc thực hiện chính sách và pháp luật về giáo dục.

2. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy định nội bộ của cơ sở giáo dục theo phân cấp và thẩm quyền.

3. Việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục; quy chế chuyên môn, quy chế thi, quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, quy định về cấp phát văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về giáo trình, bài giảng; việc quản lý tài chính, tài sản; hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế; công tác tổ chức cán bộ; việc thực hiện các quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

4. Việc thực hiện pháp luật liên quan đến tổ chức, hoạt động của các đơn vị, tổ chức và cá nhân thuộc cơ sở giáo dục.

5. Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nhà trường theo quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo.

6. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

7. Việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

Điều 13. Hình thức thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục

Hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục được tiến hành theo hai hình thức:

1. Thanh tra theo kế hoạch hàng năm đã được Thủ trưởng cơ sở giáo dục phê duyệt và được thông báo đến đối tượng thanh tra, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;

2. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện đơn vị, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ sở giáo dục giao.

Điều 14. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ làm công tác thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục

1. Tiêu chuẩn:

a) Là viên chức hoặc người lao động đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với cơ sở giáo dục;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong chấp hành pháp luật; có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan; có lối sống lành mạnh, tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng;

c) Đạt trình độ chuẩn về đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục đối với từng cấp học; được bồi dưỡng kiến thức về công tác thanh tra, kiểm tra;

d) Có hiểu biết về chính sách, pháp luật; nắm được quy trình nghiệp vụ thanh tra, có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động quản lý của cơ sở; có năng lực xem xét, kết luận, kiến nghị biện pháp xử lý sau thanh tra.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ trưởng cơ sở giáo dục/Trưởng ban (phòng) thanh tra;

b) Kiến nghị Thủ trưởng cơ sở giáo dục/Trưởng ban (phòng) các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ sở giáo dục/Trưởng ban (phòng) thanh tra để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, kiến nghị các vấn đề phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra;

c) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Thủ trưởng cơ sở giáo dục/Trưởng ban (phòng), chịu trách nhiệm trước Trưởng ban (phòng) và trước pháp luật về các nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Đoàn thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục

1. Đoàn thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục là Đoàn thanh tra được thành lập theo quyết định của Thủ trưởng cơ sở giáo dục. Đoàn thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục có Trưởng đoàn thanh tra, Phó trưởng đoàn (nếu cần) và các thành viên Đoàn thanh tra.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng đoàn thanh tra:

a) Xây dựng kế hoạch thanh tra trình người ra quyết định thanh tra phê duyệt;

- b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn thanh tra;
- c) Tổ chức, chỉ đạo các thành viên Đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung, phạm vi, thời hạn ghi trong quyết định thanh tra;
- d) Kiến nghị với người ra quyết định thanh tra áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của Đoàn thanh tra;
- đ) Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;
- e) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc cơ sở giáo dục cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung thanh tra;
- g) Quyết định niêm phong tài liệu của đối tượng thanh tra khi có căn cứ cho rằng có vi phạm pháp luật và báo cáo với người ra quyết định thanh tra trong thời gian không quá 24 giờ;
- h) Kiến nghị người có thẩm quyền đình chỉ việc làm của các đối tượng trong trường hợp xét thấy việc làm đó gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và báo cáo với người ra quyết định thanh tra trong thời gian không quá 24 giờ;
- i) Kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ việc thi hành quyết định kỷ luật, chuyển công tác, cho nghỉ hưu đối với người đang cộng tác với Đoàn thanh tra hoặc đang là đối tượng thanh tra nếu xét thấy việc thi hành quyết định đó gây trở ngại cho việc thanh tra;
- k) Kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Đoàn thanh tra; quản lý các thành viên Đoàn thanh tra trong thời gian thực hiện nhiệm vụ thanh tra; áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để giải quyết các kiến nghị của thành viên Đoàn thanh tra;
- l) Chủ trì xây dựng báo cáo kết quả thanh tra và dự thảo kết luận thanh tra; báo cáo với người ra quyết định thanh tra về kết quả thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của báo cáo đó.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Đoàn thanh tra

- a) Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra, báo cáo Trưởng đoàn thanh tra về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- b) Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung thanh tra;
- c) Kiến nghị Trưởng đoàn thanh tra áp dụng các biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao; kiến nghị việc xử lý về những vấn đề khác liên quan đến nội dung thanh tra;

d) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Trưởng đoàn thanh tra, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Trưởng đoàn thanh tra về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung đã báo cáo;

đ) Tham gia xây dựng báo cáo kết quả thanh tra;

e) Thực hiện các công việc khác liên quan đến cuộc thanh tra khi Trưởng đoàn thanh tra giao.

Điều 16. Kinh phí và các điều kiện đảm bảo hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục

1. Kinh phí hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục được trích từ kinh phí hoạt động của cơ sở giáo dục, các nguồn kinh phí khác và được bố trí thành mục chi riêng trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Ban, Phòng thanh tra được bố trí phòng làm việc, trang bị thiết bị tin học, phương tiện thông tin liên lạc và các trang, thiết bị khác phục vụ cho công tác thanh tra.

3. Cán bộ chuyên trách làm công tác thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi như viên chức của trường; hưởng phụ cấp ưu đãi khác theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường; được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được trang bị phương tiện làm việc; được tạo điều kiện thời gian, cơ sở vật chất và kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ thanh tra.

4. Viên chức, người lao động khi tham gia Đoàn thanh tra nội bộ được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về thanh tra nội bộ và thành viên khác của đoàn thanh tra không phải thanh tra viên thanh tra giáo dục.

Chương IV

THÀNH VIÊN ĐOÀN THANH TRA KHÔNG PHẢI THANH TRA VIÊN

Điều 17. Thành viên đoàn thanh tra không phải thanh tra viên

1. Thành viên đoàn thanh tra trong lĩnh vực giáo dục, không phải thanh tra viên bao gồm công chức, viên chức trong và ngoài ngành giáo dục, không thuộc biên chế của cơ quan thanh tra, có đủ tiêu chuẩn theo quy định, được trưng tập tham gia làm thành viên đoàn thanh tra.

2. Thành viên đoàn thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục là cán bộ, viên chức cơ hữu của cơ sở giáo dục, được trưng tập tham gia làm thành viên đoàn thanh tra nội bộ.

Điều 18. Tiêu chuẩn đối với thành viên đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên

1. Thành viên đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

b) Am hiểu pháp luật và có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thanh tra giáo dục;

c) Đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục; được đánh giá xếp loại khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp đối với từng cấp học và trình độ đào tạo; được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác hàng năm (đối với các trường hợp không phải là giảng viên, giáo viên);

d) Đã được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về thanh tra, kiểm tra giáo dục.

2. Các trường hợp không được tham gia Đoàn thanh tra

a) Người góp vốn vào doanh nghiệp, có cổ phần tại doanh nghiệp là đối tượng thanh tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác tổ chức nhân sự, kế toán, làm thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra;

c) Người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Người bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật, xóa án tích.

Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên khi tham gia đoàn thanh tra

1. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn thanh tra.

2. Thực hiện đúng quy định về công tác thanh tra và quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu đó.

4. Kiến nghị Trưởng đoàn thanh tra áp dụng biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Kiến nghị việc xử lý về vấn đề khác liên quan đến nội dung thanh tra.

5. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn và trước pháp luật về tính chính xác trung thực, khách quan của nội dung báo cáo.

Điều 20. Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với thành viên của đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên khi tham gia đoàn thanh tra

1. Thành viên của đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên, sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở cơ quan đơn vị hiện đang công tác, được hưởng các chế độ, chính sách của công chức, viên chức và các khoản phụ cấp khác khi thực hiện

nhiệm vụ thanh tra theo quy định pháp luật và cơ chế tài chính của cơ quan trung tập tham gia đoàn thanh tra.

2. Thành viên của đoàn thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục, sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở cơ quan đơn vị hiện đang công tác, được hưởng các chế độ, chính sách của viên chức và các khoản phụ cấp khác khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra nội bộ do Thủ trưởng cơ sở giáo dục quyết định theo cơ chế tài chính của cơ quan, đơn vị mình.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 21. Trách nhiệm của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn nhiệm vụ, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành; trung tập thành viên đoàn thanh tra, không phải là thanh tra viên tham gia các hoạt động thanh tra trong lĩnh vực giáo dục.

2. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dự kiến bố trí tham gia thành viên đoàn thanh tra, không phải thanh tra viên.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo Thanh tra Sở hướng dẫn công tác thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý trên địa bàn theo đúng quy định Pháp luật và Thông tư này.

2. Chỉ đạo Thanh tra Sở tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức dự kiến bố trí tham gia thành viên đoàn thanh tra, không phải thanh tra viên.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Các cơ sở giáo dục tổ chức thanh tra nội bộ; thực hiện chế độ báo cáo về công tác thanh tra nội bộ theo quy định.

2. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục cho đội ngũ cán bộ, viên chức dự kiến bố trí tham gia thành viên đoàn thanh tra nội bộ.

3. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Bãi bỏ các thông tư:

a) Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục.

b) Thông tư số 54/2012/TT-BGDĐT 21/12/2012 quy định về cộng tác viên thanh tra giáo dục được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 31/2014/TT-BGDĐT ngày 16/9/2014.

c) Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục đại học.

d) Thông tư số 23/2016/TT-BGDĐT ngày 13/10/2016 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi.

đ) Thông tư số 24/2016/TT-BGDĐT ngày 14/11/2016 ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra giáo dục.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng Bộ GDĐT;
- Như Điều 24;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, TTr.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-TTr

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư Hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục

Kính gửi: Thứ trưởng Phạm Ngọc Thường

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt năm 2024 của Bộ GDĐT, năm 2024, Thanh tra được giao nhiệm vụ tham mưu xây dựng trình Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư thay thế Thông tư 39/2013/TT-BGDĐT quy định về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, Thanh tra xin trình Thứ trưởng dự thảo Thông tư **Hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục** như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật thanh tra 2010, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/09/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thanh tra, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/12/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành và Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21/10/2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra và các quy định có liên quan, cụ thể:

Điều 8 Luật thanh tra 2010 quy định trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước: “Thủ tướng Chính phủ, **Bộ trưởng**, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành **trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình**”.

Điều b khoản 1 Điều 18 Luật thanh tra 2010 quy định Thanh tra Bộ có nhiệm vụ: **“Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc bộ, Thanh tra sở; hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị thuộc bộ thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra”**

Khoản 1 Điều 76 Luật thanh tra 2010 quy định: **“Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan khác của Nhà nước tổ chức và chỉ đạo hoạt động thanh tra trong ngành, cơ quan mình”**.

Điều 4 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra: Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình Thủ tướng Chính phủ, **Bộ trưởng**, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện), Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành **chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, bảo đảm kinh phí và các điều kiện cần thiết khác đối với hoạt động thanh tra**; chỉ đạo xử lý, thực hiện các kiến nghị, kết luận, quyết định xử lý về thanh tra”.

Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP quy định: **“Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của mình; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức do mình quản lý trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra; thực hiện chế độ báo cáo về công tác thanh tra theo quy định”**.

Điều 4 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước: **Bộ trưởng**, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh Thanh tra bộ, Giám đốc sở, Chánh Thanh tra sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình **có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động thanh tra chuyên ngành**; xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị quyết định thanh tra chuyên ngành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình”.

Trên cơ sở đó, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành các Thông tư:

- Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục đại học;

- Thông tư số 54/2012/TT-BGDĐT 21/12/2012 quy định về cộng tác viên thanh tra giáo dục được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 31/2014/TT-BGDĐT ngày 16/9/2014;

- Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục;

- Thông tư số 23/2016/TT-BGDĐT ngày 13/10/2016 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi.

- Thông tư số 24/2016/TT-BGDĐT ngày 14/11/2016 ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra giáo dục.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, Quốc hội ban hành Luật Thanh tra số 11/2022/QH15, có hiệu lực từ 01/7/2023, thay thế Luật Thanh tra 2010. Chính phủ ban hành Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thanh tra và Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

Khi Luật Thanh tra 2022 và các Nghị định hướng dẫn Luật Thanh tra 2022 có hiệu lực thay thế Luật Thanh tra 2010 và các Nghị định hướng dẫn Luật Thanh tra 2010; Nghị định số 03/2024/NĐ-CP đã thay thế Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và Nghị định số 42/2013/NĐ-CP ngày 09/5/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹, các Thông tư nêu trên của Bộ trưởng Bộ GDĐT cũng hết hiệu lực kể từ ngày Luật Thanh tra 2022 và các Nghị định hướng dẫn Luật Thanh tra 2022 có hiệu lực.

2. Cơ sở thực tiễn

Báo cáo tổng kết công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2022-2023, 2023-2024 và Kết luận Hội nghị về công tác thanh tra nội bộ vừa qua đã chỉ rõ một số bất cập, hạn chế, về công tác thanh tra của các Sở GDĐT, đặc biệt về công tác tổ chức của thanh tra Sở GDĐT và thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục, cụ thể:

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Năm học 2022-2023, Sở GDĐT Bạc Liêu tổ chức Thanh tra sở ghép với phòng chuyên môn thuộc Sở; 34/63 Sở GDĐT chưa bố trí đủ 5 công chức làm công

¹ Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.

tác thanh tra sở theo quy định của Chính phủ; 8 Sở GDĐT chưa bổ nhiệm Chánh Thanh tra Sở; 38 cán bộ thanh tra sở chưa được bổ nhiệm ngạch thanh tra. Một số Sở GDĐT chưa đào tạo, bồi dưỡng và chuyển ngành cho công chức làm công tác thanh tra của Sở GDĐT và chưa quan tâm, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CTVTTGD; còn 12 Sở GDĐT từ tháng 08/2020 đến tháng 7/2023 chưa tổ chức rà soát, bồi dưỡng nghiệp vụ, công nhận CTVTTGD theo Thông tư số 24/2016/TT-BGDĐT. Năm học 2023 – 2024 còn 27/63 Sở GDĐT chưa bố trí đủ công chức làm công tác thanh tra sở theo quy định tại Nghị định số 03/2024/NĐ-CP của Chính phủ; 3 Sở GDĐT chưa bổ nhiệm Chánh Thanh tra Sở; 46 cán bộ thanh tra sở chưa được bổ nhiệm ngạch thanh tra.

- Năm học 2022-2023, số lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra của 35 Sở GDĐT chưa đủ về số lượng theo quy định (cá biệt 3 Sở chỉ có 02 cán bộ thanh tra; 6 Sở chỉ có 03 cán bộ thanh tra) đặc biệt khi thực hiện Luật Thanh tra 2022 và Nghị định 43/2023/NĐ-CP sẽ vướng mắc khi phải bố trí lực lượng giám sát hoạt động đoàn thanh tra, thẩm định dự thảo kết luận thanh tra. Năm học 2023 – 2024 có 02 Sở chỉ có 02 người làm công tác thanh tra, 05 Sở chỉ có 03 người làm công tác thanh tra, 20 Sở có 04 người làm công tác thanh tra chưa đúng quy định về số lượng tại Nghị định số 03/2024/NĐ-CP.

- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của một số Sở GDĐT chưa thật sự phù hợp, cân đối giữa số cuộc thanh tra hành chính với thanh tra chuyên ngành và thanh tra đột xuất, trong kế hoạch thanh tra năm học chưa ghi rõ nội dung thanh tra hành chính hay thanh tra chuyên ngành, quyết định thanh tra nội dung thanh tra chưa cụ thể, còn có sở không xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành, không tiến hành thanh tra chuyên ngành, quyết định thanh tra nội dung chưa cụ thể, chưa đúng mẫu; chưa tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm của ngành, chưa kịp thời lựa chọn những vấn đề gây bức xúc trong dư luận xã hội; chưa tập trung thực hiện thanh tra, kiểm tra liên kết đào tạo; chưa kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thanh tra năm học.

- Trong năm học 2022-2023, một số Sở GDĐT chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra chuyên đề trách nhiệm của các đơn vị quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục trong việc lựa chọn sách giáo khoa và quy trình lựa chọn sách giáo khoa, chưa thật sự bám sát nhiệm vụ trọng tâm được nêu tại các Chỉ thị, Hướng dẫn của Bộ GDĐT. Năm học 2023 – 2024 có Sở không tổ chức cuộc thanh tra nào, có Sở chỉ tổ chức 01 cuộc thanh tra. Một số Sở GDĐT không có cuộc thanh tra hành chính, không có cuộc kiểm tra theo kế hoạch; một số có Sở GDĐT tổ chức được 1 hoặc 2 cuộc thanh tra chuyên ngành.

- Một số Kết luận thanh tra chưa đúng quy định của Luật thanh tra, Nghị định 43/2023/NĐ-CP; nội dung kết luận thanh tra chưa nêu rõ được hạn chế, thiếu sót, sai phạm của đối tượng và nguyên nhân; kiến nghị còn có nội dung chưa phù hợp, chưa khả thi, khó khăn trong việc thực hiện và theo dõi việc thực hiện kết luận thanh tra. Một số Sở GDĐT không gửi đầy đủ các kết luận thanh tra về Bộ GDĐT.

- Còn có Sở GDĐT chưa thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục theo Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

- Một số Sở GDĐT chưa kịp thời xử lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm sai phạm đối với các vụ việc báo chí đã phản ánh về các nội dung: Tổ chức dạy thêm, học thêm; thu, chi sai quy định; bạo lực học đường, an ninh, an toàn trường học; việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; đạo đức nhà giáo, thực hiện chức trách nhiệm vụ giao;....

- Còn 20 Sở GDĐT chưa kiểm tra, theo dõi, xử lý sau thanh tra theo Nghị định số 33/2015/NĐ-CP của Chính phủ; chưa thật sự chú trọng đến hiệu lực, hiệu quả của hoạt động thanh tra, việc công khai kết luận thanh tra cũng như sự tác động của kết luận thanh tra trong hệ thống.

- Việc phối hợp giữa Sở GDĐT với Thanh tra tỉnh, thanh tra cấp huyện trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và việc tham mưu của Phòng GDĐT với Thanh tra cấp huyện trong việc thanh tra hành chính các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo phân cấp còn hạn chế.

- Điều kiện bảo đảm, chế độ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra và cho đội ngũ tham gia làm công tác thanh tra, kiểm tra tại một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; nhất là chế độ cho những người tham gia công tác thanh tra, kiểm tra thi.

b) Cơ sở giáo dục

Ngành giáo dục hiện có trên 53000 đơn vị sự nghiệp, thuộc nhiều cơ quan chủ quản khác nhau: 2 ĐHQG thuộc Chính phủ, các Đại học thuộc Bộ GDĐT, các cơ sở giáo dục đại học thuộc các Bộ ngành, UBND tỉnh quản lý, cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND cấp huyện, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Sở GDĐT; các đơn vị dự nghiệp này có quy mô, số lượng đội ngũ viên chức và người học rất khác nhau, có đơn vị chỉ có khoảng 20 cán bộ viên chức với khoảng 200 học sinh; có đơn vị có 2000 viên chức với quy mô khoảng 30000 sinh viên, ngoài

ra còn hàng ngàn đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (các cơ sở giáo dục tư thục). Tuy nhiên các quy định, tại Luật Thanh tra 2022 và Nghị định 43/2023/NĐ-CP của Chính phủ giao trực tiếp cho thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra nội bộ trong đơn vị mình, chưa bao quát đến các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập dẫn đến thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp lúng túng trong triển khai thực hiện, hoặc không triển khai, triển khai nửa vời, không có quy trình, nội dung cụ thể, không xác định được thẩm quyền, đối tượng trong quá trình tổ chức hoạt động thanh tra nội bộ của đơn vị mình, tổ chức hoạt động thanh tra nội bộ trong đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục sẽ không có đầu mối quản lý, theo dõi, phụ thuộc và ý chí của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp.

Ngành giáo dục có đặc thù là hoạt động thanh tra, kiểm tra thi, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp THPT dẫn đến phải huy động số lượng lớn cán bộ, viên chức trong ngành tham gia hoạt động này (Từ năm 2021 đến nay, mỗi kỳ thi tốt nghiệp THPT đề đã huy động trên 8000 cán bộ, việc chức các cơ sở giáo dục đại học làm công tác kiểm tra, và trên 10.000 cán bộ, công chức, viên chức các trường phổ thông làm công tác thanh tra). Theo quy định của Luật thanh tra 2022 lực lượng này được gọi làm thành viên khác của đoàn thanh tra. Đây là hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành có đặc thù đòi hỏi phải xây dựng lực lượng, bồi dưỡng nghiệp vụ đảm bảo triển khai công việc có hiệu quả, đúng quy định pháp luật. Trong ngành giáo dục từ trước đến nay vẫn gọi là Cộng tác viên thanh tra giáo dục.

Không có quy định hoặc hướng dẫn về thanh tra nội bộ một cách thống nhất sẽ dẫn đến hoạt động này sẽ phụ thuộc vào nhận thức của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp.

Để hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục được đồng bộ, thống suốt, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả trong hoạt động thanh tra, cần thiết phải ban hành 01 (một) thông tư hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành, thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục thay thế các thông tư về công tác thanh tra mà Bộ GDĐT đã ban hành: Thông tư số 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 54/2012/TT-BGDĐT 21/12/2012 quy định về cộng tác viên thanh tra giáo dục được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 31/2014/TT-BGDĐT ngày 16/9/2014; Thông tư số 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 23/2016/TT-BGDĐT ngày 13/10/2016 quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi; Thông tư số 24/2016/TT-BGDĐT ngày 14/11/2016 ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra giáo dục.

Điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Thanh tra năm 2022, Thanh tra Bộ có nhiệm vụ, quyền hạn là “*Tham mưu, xây dựng trình Bộ trưởng ban hành và hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ*”.

Nghị định 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ giáo dục và đào tạo, Bộ GDĐT có chức năng: “Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên về: mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục; quy chế thi, tuyển sinh, đào tạo và văn bằng, chứng chỉ; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu; cơ sở vật chất và thiết bị trường học; bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục; quản lý nhà nước về tiếng Việt và tiếng các dân tộc; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ”.

Điểm đ, khoản 1 Điều 2 Nghị định 86/2022/NĐ-CP quy định: Bộ trưởng Bộ GDĐT có quyền: “*Ban hành thông tư và các văn bản khác về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó*”.

Như vậy có cơ sở để trình Bộ trưởng ban hành thông tư hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục và thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích

- a) Nhằm thống nhất, thông suốt, đồng bộ trong hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục.
- b) Đảm bảo hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục.
- c) Tạo hệ thống thanh tra giáo dục từ trung ương đến các Thanh tra Sở GDĐT, thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục theo đúng quy định pháp luật về Thanh tra.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo

- a) Ban hành 01 (một) thông tư hướng dẫn về thanh tra trong lĩnh vực giáo dục thay thế các thông tư về công tác thanh tra mà Bộ GDĐT đã ban hành trước đó nhưng đã hết hiệu lực khi thực hiện Luật Thanh tra 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP và Nghị định số 03/2024/NĐ-CP có hiệu lực.
- b) Thực hiện đúng vai trò phân cấp trong quản lý nhà nước về giáo dục, đúng trách nhiệm của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và cơ sở giáo dục

c) Thống nhất nội dung hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là làm rõ thẩm quyền, quy trình và nội dung hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục.

d) Thống nhất về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn và chế độ, chính sách khi tham gia đoàn thanh tra đối với thành viên đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Ban hành Chương trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt năm 2024 của Bộ GDĐT.

Căn cứ quy định về soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quyết định cá biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-BGDĐT ngày 27/5/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Ngày 13/3/2024, Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 796/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Thông tư với đầy đủ thành phần lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị chức năng của Bộ, Lãnh đạo, công chức của một số Sở GDĐT, Thanh tra Sở GDĐT và cơ sở giáo dục đại học trong cả nước (Sở GDĐT Hải Dương, Thanh tra Sở GDĐT Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh).

Trưởng ban soạn thảo, Tổ trưởng Tổ biên tập đã phân công nhiệm vụ chi tiết, cụ thể cho từng thành viên của ban soạn thảo, Tổ biên tập.

Tổ biên tập đã xây dựng kế hoạch soạn thảo dự thảo Thông tư theo quy định.

Thanh tra Bộ đã phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức rà soát, đánh giá các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến nội dung thanh tra chuyên ngành đề xuất nội dung và hoạt động thanh tra chuyên ngành, thanh tra nội bộ trong đơn vị sự nghiệp; Tổ chức Hội nghị công tác thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục đại học dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phạm Ngọc Thưởng, có đại diện Vụ Pháp chế - Thanh tra Chính phủ; Lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Giáo dục Đại học và Lãnh đạo, công chức Thanh tra cùng trên 100 cơ sở giáo dục đại học: các đại học, học viện, Trường đại học trong cả nước vào ngày 29/3/2024, tại Trường Đại học Vinh.

Tổ biên tập đã xây dựng đề cương dự thảo Thông tư gửi xin ý kiến thành viên Ban soạn thảo, Chánh Thanh tra Bộ GDĐT đã chủ trì họp với lãnh đạo Vụ Pháp chế, Bộ GDĐT; Lãnh đạo vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ và trao đổi với

Cục Kiểm tra văn bản quy pháp pháp luật, Bộ Tư pháp. Ngày 19/4/2024, đồng chí Chánh Thanh tra, trưởng ban soạn thảo đã tổ chức họp Ban soạn thảo lần thứ nhất lấy ý kiến đề cương, dự thảo thông tư và cơ sở pháp lý ban hành thông tư.

Thanh tra đã tham mưu Thứ trưởng Phạm Ngọc Thường có Công văn số 2238/BGDĐT-TTr và số 2239/BGDĐT-TTr ngày 21/5/2024 gửi Bộ Tư pháp và Thanh tra Chính phủ xin ý kiến về cơ sở pháp lý liên quan đến việc hướng dẫn quy định về thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục và cộng tác viên thanh tra giáo dục. Thanh tra Chính phủ đã có Công văn số 1590/TTCP-PC ngày 30/7/2024 trả lời Công văn số 2338/BGDĐT-TTr.

Tổ biên tập đã xây dựng dự thảo 1 Thông tư quy định về thanh tra chuyên ngành và thanh tra nội bộ gửi xin ý kiến các thành viên ban soạn thảo, các Vụ, Cục thuộc Bộ, trên cơ sở các ý kiến góp ý, Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã hoàn thiện dự thảo 1 Thông tư.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Bố cục

Dự thảo Thông tư gồm 6 chương 25 điều, hướng dẫn về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục gồm: nội dung, hoạt động thanh tra chuyên ngành và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục (sau đây gọi là thanh tra chuyên ngành); thanh tra nội bộ của cơ sở giáo dục gồm: nội dung và hoạt động thanh tra nội bộ; tiêu chuẩn, chế độ với thành viên tham gia đoàn thanh tra không phải thanh tra viên.

Chương I: Quy định chung, 2 điều.

Chương II: Nội dung thanh tra chuyên ngành, 9 điều.

Chương III: Thanh tra nội bộ, 5 điều.

Chương IV: Thành viên đoàn thanh tra không phải thanh tra viên, 4 điều.

Chương V: Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan, 3 điều.

Chương VI: Điều khoản thi hành, 2 điều.

2. Nội dung cơ bản

Chương I: Quy định chung, 2 điều quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, nguyên tắc hoạt động thanh tra chuyên ngành, thanh tra nội bộ.

Chương II: Nội dung thanh tra chuyên ngành, 9 điều quy định về nội dung thanh tra chuyên ngành đối với sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo,

cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; nội dung thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động hợp tác đầu tư có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, về thi, tuyển sinh, xét, công nhận tốt nghiệp, việc thực hiện luận văn, luận án; nội dung thanh tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động giáo dục.

Chương III: Thanh tra nội bộ, 5 điều quy định về nội dung thanh tra nội bộ, hình thức thanh tra nội bộ; tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ làm công tác thanh tra nội bộ; đoàn thanh tra nội bộ; kinh phí và các điều kiện đảm bảo hoạt động thanh tra nội bộ

Chương IV: Thành viên đoàn thanh tra không phải thanh tra viên, 4 điều quy định về tiêu chuẩn đối với thành viên đoàn thanh tra không phải là thanh tra viên; nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên đoàn thanh tra không phải thanh tra viên khi tham gia đoàn thanh tra; chế độ, chính sách đãi ngộ.

Chương V: Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có liên quan, 3 điều quy định về trách nhiệm của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo và trách nhiệm của cơ sở giáo dục.

Chương VI: Điều khoản thi hành, 2 điều quy định về hiệu lực và trách nhiệm thi hành.

V. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra không trực tiếp giao Bộ trưởng quy định về thanh tra nội bộ trong đơn vị sự nghiệp. Tuy nhiên, ngành giáo dục hiện có trên 53.000 đơn vị sự nghiệp, thuộc nhiều cơ quan chủ quản khác nhau: 2 ĐHQG thuộc Chính phủ, các Đại học thuộc Bộ GDĐT, các cơ sở giáo dục đại học thuộc các Bộ ngành, UBND tỉnh quản lý, cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND cấp huyện, trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc Sở GDĐT và các trường ngoài công lập; các đơn vị này có quy mô, số lượng đội ngũ viên chức và người học rất khác nhau. Để các đơn vị áp dụng thống nhất, cần thiết phải có quy định về thanh tra nội bộ một cách thống nhất. Có hai phương án:

a) Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Thông tư có nội dung quy định về hoạt động thanh tra nội bộ trong đơn vị sự nghiệp để đảm bảo thống nhất thực hiện trong toàn hệ thống.

b) Thủ trưởng các cơ sở giáo dục quy định về quy trình, cách thức, nội dung hoạt động thanh tra nội bộ.

Như đã phân tích ở trên để đảm bảo tính hệ thống và thống nhất trong toàn ngành giáo dục, Thanh tra chọn Phương án a.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định về thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục và thanh tra nội bộ trong cơ sở giáo dục, xin kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:

CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Đức Cường